

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Theo văn bản chỉ đạo số...ngày...tháng ...năm... của Tỉnh (Huyện)...*

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời và hiệu quả nhằm làm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã năm 2014. Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2014 như sau:

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã

Xã Xuân Lao nằm ở phía nam của huyện Mường Ảng, có tọa độ địa lý: từ 21⁰ 41' 17'' đến 21⁰ 50' 17'' vĩ độ bắc từ 103⁰ 30' 24'' kinh độ Đông.

Phía bắc giáp: xã Búng Lao huyện Mường Ảng và xã Chiềng Đông huyện Tuần Giáo.

Phía Tây giáp: xã Mường Lạn và xã Nậm Lịch huyện Mường Ảng.

Phía Nam giáp: xã Mường Bám huyện Thuận Châu của tỉnh Sơn La và xã Sa Dung huyện Điện Biên Đông.

Phía Đông giáp : xã Tênh Phong huyện Tuần Giáo.

1. Đặc điểm địa lý

Xã Xuân Lao có địa hình cơ bản là đồi núi. Địa hình tương đối phức tạp, độ cao so với mực nước biển từ 300 - 1300m, chia làm 3 loại địa hình cơ bản như sau:

- Địa hình đồi núi cao sườn dốc chiếm 70% diện tích đất tự nhiên, phân bố chủ yếu ở phía Đông Bắc và phía Nam.
- Địa hình đồi thấp sườn thoải chiếm 18% diện tích đất tự nhiên, phân bố chủ yếu ở phía Bắc.
- Địa hình thung lũng, bãi bằng chiếm khoảng 12% diện tích đất tự nhiên được phân bố xen kẽ giữa địa hình đồi núi.

Nhìn chung địa hình địa mạo của Xuân Lao ít thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng nhưng so với các xã vùng khác cùng huyện thì xã Xuân Lao lại có một dải thung lũng tương đối bằng phẳng và rộng rất thuận lợi cho sản xuất lúa nước và xây dựng cơ sở hạ tầng, đây cũng là vùng sản xuất lúa huyện và nơi sinh sống của rất nhiều bản người Thái.

Xuân Lao chịu ảnh hưởng chung của khí hậu miền núi phía Tây Bắc Việt Nam. Được hình thành từ một nền nhiệt cao của đới chí tuyến và sự thay thế của hoàn lưu lớn theo mùa, kết hợp với các điều kiện địa hình nên mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau giá lạnh nhiệt độ không khí thấp, trời hanh khô, có sương muối; Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 không khí nóng ẩm và mưa nhiều.

- Nhiệt độ trung bình trong năm vào khoảng: 20 - 25°C
- Nhiệt độ tối cao là: 37,5°C
- Nhiệt độ tối thấp: 0°C

Số ngày nắng trong năm trung bình khoảng 105 ngày/năm.

- Chế độ Mưa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa trung bình trong năm khoảng 1374 - 1735 mm, mưa phân bố không đều cả về lượng mưa vào các tháng mùa mưa chiếm khoảng 80% lượng mưa cả năm; Vào mùa khô lượng mưa ít, chiếm khoảng 20% tổng lượng mưa cả năm, trong đó ít mưa nhất vào tháng 12 và tháng 1, trung bình lượng mưa chỉ đạt 20,7mm.

- Độ ẩm: Xuân Lao là khu vực có độ ẩm không khí tương đối cao. Độ ẩm trung bình khoảng 81%, mùa mưa độ ẩm không khí có thể lên tới 92%. Thời kỳ chuyển tiếp giữa mùa khô và đầu mùa mưa thường xuất hiện khô hanh, độ ẩm không khí xuống thấp. Tháng có độ ẩm tương đối cao nhất là tháng 7, tháng khô nhất là tháng 3 và tháng 4.

- Sương mù: Số ngày có sương mù nhiều, bình quân 105 ngày/năm, cá biệt vào mùa khô còn xuất hiện sương muối vào tháng 12 đến tháng 1 thành từng đợt 1 - 2 ngày.

- Chế độ gió: Xuân Lao chịu ảnh hưởng của 3 hướng gió chính: Gió mùa Đông Bắc, gió Đông Nam và gió Tây Nam. Gió mùa Đông Bắc xuất hiện vào các tháng mùa đông (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau) có đặc điểm khô, lạnh kèm theo sương muối, đây là những hiện tượng thời tiết bất lợi cho đời sống và sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp nên cần có biện pháp phòng tránh để giảm thiểu thiệt hại. Gió Đông Nam thường xuất hiện vào các tháng mùa mưa (từ tháng 4 đến tháng 9). Gió Tây Nam (gió Lào) Xuất hiện từ tháng 3 đến tháng 7 có đặc điểm là khô và nóng.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

2.1. Về dân cư

- Tổng số 963 hộ với 4.931 khẩu. Trong đó nam 2465, nữ 2466
- Số hộ nghèo : 501 hộ chiếm 52,5%
- Số người trong độ tuổi lao động: 2260 người, có 1560 nam và nữ là 700 người.
- Đối tượng dễ bị tổn thương.
 - Trẻ em dưới 5 tuổi: 629 em trong đó nam 304; nữ 325.

- Người già trên 60 tuổi: 260 người với 115 nam và 145 nữ.
- Phụ nữ có thai và đang cho con bú dưới 12 tháng: 180
- Người khuyết tật và bị bệnh hiểm nghèo 23 trong đó nam 13; nữ 10
- Toàn xã có 20 bản ; có 3 dân tộc chung sống là
 - Dân tộc Thái: 837 hộ
 - Dân tộc H'Mông: 109 hộ
 - Dân tộc Khơ Mú: 17 hộ

2.2. Về đất đai

Tổng diện đất tự nhiên: 5482,72 ha, trong đó: đất thổ cư 103,14 ha, đất nông nghiệp 1333,93 ; đất trồng lúa nước: 114,10 ha, đất trồng cây lâu năm 46,47 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 9,64 ha; đất lâm nghiệp 3652,55 ha, Đất rừng phòng hộ 2462,61

2.3. Ngành nghề chính

Đa số người dân xã hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp là chính trong đó có 85% số hộ sản xuất nông nghiệp, 11,9 % sản xuất lâm nghiệp; 9,64% nuôi trồng thủy sản

3. Cơ sở hạ tầng, vật chất

3.1. Giao thông:

- Tổng số km hệ thống đường giao thông của xã 92,016 km. trong đó:
- Đường tỉnh lộ 13 km, cứng hóa 13/13 km
- Đường trục xã, liên xã; 08 tuyến với tổng chiều dài 29,8 km. đường đất 100%,
- Đường nội bản, trục bản; Có 53 tuyến với chiều dài 30,01 km trong đó 0,6 km được bê tông hóa đạt 1,99 %.
- Đường ngõ vào nhà; Có 205 tuyến với chiều dài là: 18,02 km đường đất 100%. Đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa: 2,3 km/18,02 đạt: 12,7 %.
- Đường nội đồng: còn tạm bợ

3.2. Thủy lợi:

- Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã, bao gồm: 15 công trình, 18 hệ thống tuyến kênh mương, chiều dài 21,7 km được cứng hóa 10,2 km chiếm 47%, đảm bảo tưới cho 77 ha vụ đông xuân và 107 ha lúa vụ mùa. Trong đó có 7 đập kiên cố và phai 8 phai tạm.
- Chùa Sáu: 1 tuyến với chiều dài 0,5km kênh đất 100%, tưới cho 0,5 ha.
- Hiện trạng số km kênh mương có 21,7 km, do xã quản lý 21,7 km, trong đó đã được cứng hoá 10,2 km đạt 47 %.

3.3. Điện:

Hiện trạng hệ thống cung cấp điện của xã gồm:

- Số trạm biến áp 06 trong đó số trạm đạt yêu cầu là 06 trạm:

- Tổng chiều dài đường dây hạ áp đã nâng cấp và sử dụng với tổng số tuyến 13 tuyến và 7,178 km đường dây chất lượng tốt; Tổng số hộ sử dụng điện của xã là 890 hộ/954 hộ đạt 93,29%. Trạm hạ thế điện, hệ thống cột điện, đường dây tải điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
- Về cơ bản nhân dân trong xã cơ bản được sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, tuy nhiên còn 4 bản vùng cao chưa có điện

3.4. Trường học:

Trường Mầm non: Xã có 1 trường Mầm non 100% các phòng học lớp học đều tạm.

- Tổng số giáo viên 20; CB quản lý: 4; Nhân viên: 4 (2 nam, 2 nữ
- Có 19 phòng học tạm
- Cơ sở vật chất: đồ chơi, đồ dùng cho học sinh còn thiếu
- Các công trình vệ sinh chưa có.
- Nhìn chung về cơ sở vật chất của trường chưa đảm bảo cho công tác giảng dạy, Các điểm trường ở các bản lẻ còn thiếu diện tích sân chơi.

Trường tiểu học: Xã Xuân Lao có 2 trường tiểu học:

- Trường tiểu học Xuân Lao: tại khu trung tâm bản Lao và các điểm bản lẻ.; Co Hón, Pha Hún, Phiêng Lao. Có 12 phòng học kiên cố, 12 phòng cấp 4, 3 phòng tạm bợ
- Trường có 23 giáo viên (6 nữ, 17 nam); CB quản lý 2 (nam); HS:## em (169 nữ, 154 nam)
- Trường tiểu học Khén Pí: Tổng số phòng học là 18 phòng; 1 dãy phòng học cấp 4 gồm 2 phòng học, còn lại 16 phòng học tạm bợ, trường có 19 giáo viên (13 nam, 6 nữ); 225 học sinh (106 nam, 109 nữ).

Nhìn chung cơ sở vật chất trường tiểu học Khén Pí chưa đảm bảo cho công tác dạy và học, cần đầu tư xây dựng mới trong thời gian tới.

Trường Trung học cơ sở: gồm: 02 dãy phòng học 2 tầng 14 phòng học đã đạt chuẩn và nhà công vụ giáo viên nhà xây cấp IV gồm 15 phòng. Trường có 27 giáo viên (6 nam, 21 nữ); HS: 383 em (182 nữ, 201 nam)

3.5. Cơ sở vật chất văn hoá

Hiện nay xã chưa có nhà văn hóa trung tâm xã

Hiện tại 20/20 bản chưa có nhà văn bản

Xã chưa có sân vận động cũng như trung tâm thể thao của xã; các bản trong xã cũng chưa có sân thể thao.

3.6. Chợ nông thôn: Chưa có chợ

Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn xã chưa phát triển.

3.7. Hệ thống nước, vệ sinh

Các hộ sinh hoạt bằng nước tự chảy là chính. Về mùa khô và khi có lũ xảy ra, thiếu nước sinh hoạt. Trong xã có 17 giếng nước; 95 hộ có bể chứa nước; có 53 trạm cấp nước sinh hoạt; số hộ không có dụng cụ chứa nước 868 hộ; .

Hầu hết các hộ chưa có nhà vệ sinh hợp vệ sinh. Các hộ chủ yếu dùng nhà vệ sinh tạm bợ, đặc biệt vẫn còn 29 hộ không có nơi đi vệ sinh cố định.

3.8. Y tế

Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: 100 %, cơ bản do được nhà nước hỗ trợ đối với hộ nghèo, dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, hoạt động kháng chiến và thân nhân người có công...

Trạm y tế xã: Xã có 01 trạm y tế, có: 3 giường bệnh; chưa có Bác sỹ, 7 Y sỹ, 0 Y tá, 0 hộ lý.

3.9. Hệ thống thông tin liên lạc

Hiện trạng xã chưa có điểm Bưu điện văn hoá,

Xã đã có hệ thống wifi

Đã phủ sóng vinaphone, mobiphone

3.10. Nhà ở dân cư

Trên địa bàn của 20 bản của xã có 963 căn hộ trong đó:

- Số hộ có nhà ở kiên cố: 3 hộ, chiếm 0,3%.
- Số hộ có nhà bán kiên cố: 719 hộ, chiếm 75,4 %
- Số hộ có nhà ở tạm: 235 hộ, chiếm 24.9 %.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của bộ xây dựng 37,1

3.11. Hệ thống tổ chức chính trị xã hội:

Đội ngũ cán bộ xã và so với chuẩn chưa đạt. Năm 2013 toàn xã có 12/17 cán bộ xã đạt chuẩn.

Xã đã có đủ các tổ chức (Tổ chức đảng, Chính quyền, Đoàn thể chính trị - xã hội) trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định..

Năm 2013 Đảng bộ, chính quyền xã chưa đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.

Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã chưa đạt danh hiệu tiên tiến trở lên, mới chỉ có Hội cựu chiến binh đạt danh hiệu tiên tiến.

3.12. An ninh, trật tự xã hội:

An ninh trật tự xã hội trên địa bàn được giữ vững .

4. Công tác phòng chống thiên tai của xã thời gian qua

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy – HĐND-UBND xã, BCH-PCTT xã đã tích cực thực hiện công tác Phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai đạt kết quả như sau:

Hàng năm UBND xã đã tiến hành kiện toàn BCH-PCTT cấp xã, tổ chức triển khai, thực hiện các Chỉ thị, Văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh của huyện đến các bản, các khu vực trên địa bàn về công tác PCTT, đồng thời xây dựng, triển khai các phương án điều chỉnh bổ sung kế hoạch phù hợp sát tình hình thực tế.

Phối hợp Ban CHQS huyện chỉ đạo ban CHQS xã, công an xã, các ngành, các đoàn thể trên địa bàn xã đã chủ động phối hợp, tăng cường tuyên truyền, tổ chức thường trực sẵn sàng ứng cứu các tình huống, giúp nhân dân phòng tránh khi có thiên tai xảy ra.

Chỉ đạo bộ phận thường trực Ban CHPC lụt bão (Ban CHQS xã, các ban ngành, đoàn thể xã) phối hợp với các bản, các địa bàn làm tốt công tác phòng chống lụt bão nhất là từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2013 đảm bảo trực 24/24 giờ.

Ban chỉ huy PCTT xã, Chỉ đạo các bản thực hiện tốt phương châm “ 4 tại chỗ “ để chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả khi xảy ra thiên tai nhằm ổn định đời sống sản xuất cho nhân dân.

Phối hợp tổ chức tốt việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, về dự báo, cảnh báo tình hình thời tiết trong năm. Thường xuyên theo dõi nắm bắt thông tin thông báo kịp thời những tin tức diễn biến thời tiết trong khu vực để nhân dân chủ động phòng chống. Phối hợp hiệp đồng làm tốt công tác bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân đảm bảo an toàn khi mưa lũ xảy ra. Góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn.

Những hạn chế, tồn tại:

- Công tác thông tin tuyên truyền về công tác phòng chống lụt bão tới mọi người dân chưa thực hiện thường xuyên liên tục, sự phối hợp hiệp đồng giữa Các lực lượng đôi khi chưa được kịp thời, chặt chẽ.
- Công tác kiểm tra, cảnh báo và chỉ đạo việc phòng tránh thiên tai cho nhân dân tại những nơi có nguy cơ sạt lở đất và lũ quét chưa kiên quyết. Công tác tổ chức thường trực PCTT chưa được thường xuyên.
- Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động PCTT, chưa thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban ban chỉ huy PCTT xã, còn có tình trạng làm nhà ở tại các khu vực có nguy cơ bị sạt lở.
- Kết quả thu nộp quỹ PCTT của các bản còn chậm.
- Các trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác PCTT chưa có chủ yếu bằng các dụng cụ thô sơ chưa đáp ứng công tác phòng chống thiên tai với đặc thù của địa bàn.

II. Tổng hợp phân tích tình hình

1. Tình hình thiên tai trong quá khứ

Do đặc điểm địa lý, thời tiết, khí hậu nên xã Xuân Lao hàng năm thường phải đối mặt với nhiều loại thiên tai như Ngập lụt, Mưa lớn, Sạt lở đất, Hạn hán, rét hại, Lũ, Lũ quét, Lốc xoáy, Sương muối, Nắng nóng, sét

Thiên tai trong quá khứ ở các thôn có nhiều điểm tương đồng về mùa vụ thiên tai nhưng do địa hình khác nhau nên loại hình thiên tai có khác nhau

Các loại hình thiên tai thường gặp ở các bản vùng cao: là hạn hán, rét hại, sạt lở đất, sương muối, lốc xoáy, sét, lũ quét. Các thiên tai thường gặp ở các thôn vùng trung tâm của xã ngoài các thiên tai hạn hán, rét hại, sạt lở đất, lốc xoáy, sét, lũ quét, sương muối, như các thôn trên còn có thiên tai khác là ngập úng. Hiện tượng này và lũ, lũ quét, hạn hán, rét hại, sạt lở đất hầu như năm nào cũng xảy ra và là các loại hình thiên tai điển hình trên địa bàn xã

Bình quân một năm có 2- 4 trận lũ, ngập úng, hạn hán, rét hại, sạt lở đất. Điển hình là các năm:

Năm 2010, rét hại kèm theo sương muối, kéo dài nhiều đợt, mỗi đợt 7-8 ngày - Chết 200 con trâu, - 65 ha mạ non bị chết, hàng chục ha rau màu bị hư hại

Tháng 7/2014, lũ quét xảy ra sau mưa kéo dài 3-4 ngày, gây nhiều thiệt hại: Ngập 22 nhà; 50 ha lúa bị mất 100%; 50 ao cá bị mất 2 tấn cá; trôi 1 cầu; Lúa nương bị bùn lấp 50%

Tháng 7/2010, Sạt lở đất Đường thôn bị hư hại, phải di dời 33 hộ

Tháng 2014 một đợt hạn hán kéo dài trong 3 tháng 3,4,5 gây thiệt hại 15 ha lúa; ngô 4 ha và gây thiếu nước sinh hoạt trong toàn xã

Tác động chính của thiên tai đến cộng đồng trong quá khứ chủ yếu là gây thiệt hại về tài sản, hoa màu, gia súc, gia cầm, các dịch vụ công, cơ sở hạ tầng. Những thiệt hại về người trong những năm gần đây gần như không có mặc dù thiên tai lớn xảy ra nhiều hơn

Tuy nhiên những thiệt hại về tài sản, lúa và hoa màu, cơ sở hạ tầng gia tăng hơn trước do các yếu tố chịu rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương tăng. Đặc biệt là trong điều kiện BĐKH và rừng bị tàn phá

Xu thế của thiên tai tự nhiên trong những năm gần đây có những thay đổi đáng kể về tần suất, cường độ, phạm vi, cụ thể như sau:

STT	Loại hiểm họa	Nhận xét chung
1	Ngập lụt	Nhiều lần hơn, kéo dài hơn, mực nước dâng cao hơn.
2	Mưa lớn	Số lần mưa hầu như không gia tăng nhưng số lần mưa lớn và

		kéo dài gia tăng
3	Sạt lở đất	Hiện tượng Sạt lở bờ suối ,bờ sông ngày càng gia tăng nhất là các vùng núi cao,ven đường giao thông do các taluy dương cao và độ dốc lớn
4	Hạn hán	Xảy ra thương xuyên hơn do nước đầu nguồn giảm,. Dưới tác động của BĐKH, hạn hán diễn ra trầm trọng hơn.
5	rét hại	Mức độ rét hại ngày càng tăng như trận rét đậm, rét hại năm 2008. Từ 2010 đến nay có nhiều trận rét hại kéo dài hơn.
6	Lũ	Xảy ra ngày càng nhiều,tốc độ tăng dần
7	Lũ quét	Xảy ra nhanh bất ngờ, cường độ mạnh
8	Lốc xoáy	- Nhanh không kéo dài, nhiều hơn ,
9	Nắng nóng	Nhiệt độ cao 39-40 oC kéo dài -Xảy ra ngày càng nhiều
10	Sương muối	Xảy ra trên diện rộng và kéo dài hơn thời gian trước
11	sét	Nhiều hơn

Những nhận xét trên cho thấy xu thế hiểm họa như sau:

- Tần suất về số lần mưa lớn tăng
- Tần suất,mức độ hạn hán tăng
- Tần suất rét hại kéo dài tăng,thời gian kéo dài hơn,nhiệt độ thấp hơn
- Nắng nóng: -Xảy ra ngày càng nhiều
- Lũ quét xảy ra nhanh bất ngờ, cường độ mạnh hơn ,xảy ra nhanh hơn
- Ngập lụt tăng cả về số lần,số lần lũ lớn,

Những bằng chứng trên chứng tỏ biến đổi khí hậu đã tác động đến hầu hết các thiên tai đã xảy ra ở địa phương

(Có bảng tổng hợp kết quả ĐGRR thiên tai và lịch sử thiên tai kèm theo)

2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

2. Xác định tình trạng dễ bị tổn thương

Nhận xét chung:

Qua đánh giá ở các cụm bản cho thấy: tình trạng dễ bị tổn thương ở các thôn tuy có khác nhau về mức độ nhưng có những điểm chung như sau:

*) Các yếu tố DBTT ở địa phương chủ yếu là :

- Lúa, hoa màu, cây trồng, gia súc bị thiệt hại do ở ven sông, suối, mùa vụ trùng vào mùa thiên tai. Thiếu kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ gia súc gia cầm, trồng trọt, sản xuất, do phong tục tập quán trong việc chăn thả, chuồng trại không hợp vệ sinh, không che chắn, thiếu thức ăn cho gia súc vào thời kỳ rét hại
- Cơ sở hạ tầng, nhà dân do ở vùng thiên tai thường xảy ra hoặc công trình, nhà ở yếu kém, tạm bợ, còn tư tưởng chủ quan
- Người: bao gồm các đối tượng thuộc nhóm DBTT, các đối tượng sinh sống nơi dễ xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở ven các suối, đồi núi; nhóm cộng đồng có nhận thức thấp, chủ quan,

*) Tình trạng DBTT chủ yếu là do đặc điểm địa lý, địa hình, tập quán sinh sống và thói quen canh tác, nhận thức của người dân, Cơ sở hạ tầng yếu kém, dân trí thấp, cơ sở hạ tầng hạn chế đặc biệt là thiếu trang thiết bị, nhân lực, hậu cần tại chỗ

Các tình trạng DBTT

- a) Nhận thức của cộng đồng về rủi ro thiên tai và BĐKH còn hạn chế
 - Người dân chưa hiểu hoặc hiểu rất hạn chế về thiên tai
 - Kinh nghiệm dân gian về phòng tránh thiên tai còn ít, hoặc tác dụng hạn chế nếu áp dụng các kinh nghiệm dân gian đó trong điều kiện thích ứng BĐKH.
 - Người dân còn chủ quan trước thiên tai
 - Ý thức của một bộ phận cộng đồng trong phòng tránh thiên tai chưa cao, không tuân thủ nghiêm các quy định sơ tán, di dời khi thiên tai xảy ra.
- b) Hệ thống thông tin liên lạc công cộng còn thiếu, thiếu hệ thống cảnh báo, địa bàn rộng, các khu dân cư, các nhà dân ở cách nhau quá xa nên việc cảnh báo không kịp thời, thiếu hiệu quả, kém phát huy khi có thiên tai xảy ra, đặc biệt là các thôn vùng sâu của xã.
- c) Tất cả các thôn hàng năm chưa xây dựng được kế hoạch phòng chống thiên tai, chưa có phương án sơ tán, Việc thực hiện phương châm 4 tại chỗ còn hạn chế ở các hộ và các bản, xã, chưa lồng ghép kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với BĐKH vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.
- d) Nhóm người dễ bị tổn thương ở xã cao
- e) Hiện tượng ô nhiễm môi trường ở các thôn đã và đang có chiều hướng gia tăng do thiếu nhà vệ sinh hoặc nhà vệ sinh không đạt tiêu chuẩn, chuồng trại không hợp vệ sinh, các chất thải, rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình đều

thải trực tiếp vào suối, hầu hết các hộ trong xã chỉ sử dụng nhà vệ sinh tạm bợ thậm chí còn nhiều hộ chưa có nơi đi vệ sinh ổn định

Sau đây là các thông tin về TTDBTT

Lĩnh vực an toàn cộng đồng

V/C

- Đường trục xã, liên xã chưa được cứng hóa 100% ,đường nội thôn, ngõ xóm chưa được cứng hóa 100%
- Hệ thống giao thông trên địa bàn thôn chưa được cứng hóa cao 90,7%, đi lại khó khăn và dễ xảy ra tai nạn vào mùa mưa
- Chưa có đường nội đồng mà vẫn đi lại trên các lối đi ven bờ
- Còn 4 bản trong xã chưa có điện
- Số nhà kiên cố rất ít, Số hộ có nhà ở tạm cao: 235 hộ, chiếm 24.9 %.
- 70% số nhà mái ngói ,tôn,tấm lợp FIBRO xi măng không được chằng chống
- Các hộ vùng sâu của xã không nắm bắt được cảnh báo thiên tai kịp thời
- Đường giao thông có Taly dốc;
- Tình trạng chặt phá rừng vẫn còn nhiều khiến rừng cạn kiệt,lũ xảy ra nhanh hơn,đất bị xói mòn,hiện tượng sạt lở tăng
-

TC/XH

Năng lực PCTT còn yếu :

-Ban chỉ huy PCTT có tỷ lệ nữ thấp(1/34)

- Chưa có đội ứng phó nhanh,đội TK-CN, đội SCC chuyên, lực lượng PCTT thiếu kỹ năng cần thiết cơ bản, thiếu trang thiết bị phục vụ TK-CN,
- Tỷ lệ lao động được đào tạo chuyên môn thấp , tỷ lệ CB xã chưa đạt chuẩn cao
- Số hộ nghèo : 501 hộ chiếm 52,5%
- * Đối tượng dễ bị tổn thương cao 1092 người (432 nam; 665 nữ)
 - Nhiều phụ nữ đã tái mù, không biết bơi,
- Dân cư ở rải rác không tập trung
- Số người không biết bơi còn nhiều đặc biệt là phụ nữ và trẻ em
- Cơ sở dạy, học ở trường tiểu học, các điểm trường quá thiếu thôn thậm chí còn tạm bợ, Số phòng học còn thiếu nhiều
- Nhà văn hóa xã, thôn chưa có
- Bưu điện xã chưa có
- Tuyên truyền thiếu chủ động, chưa chú ý vùng cao

-Lao động chính đi làm ăn xa nên thiếu nhân lực khi có thiên tai

NTKN,TĐ,ĐC

-Nhận thức của người dân còn hạn chế

-Kinh nghiệm PCTT của một số hộ còn hạn chế

-Còn tư tưởng chủ quan, trông chờ,

- Còn có cá nhân chấp hành không nghiêm lệnh của lãnh đạo

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh

V/C

-Xã chưa có chợ dân sinh

- Chuồng trại chưa được che chắn kỹ

-Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc

- Địa hình thấp

- Lúa, ngô còn non, chưa được thu hoạch thường gặp thiên tai

-Hệ thống kênh mương còn hạn chế

-It dự trữ giống dự phòng

- Đường nội đồng: còn tạm bợ và hầu như chưa có rất khó khăn cho việc di lại trong sản xuất

-Kênh mương còn thiếu nhiều và tỷ lệ cứng hóa còn thấp (chiều dài 21,7 km được cứng hóa 53%), các phai cấp nước nhỏ,tạm bợ không đảm bảo tưới tiêu khi có hạn

--*Chưa có chợ*

-Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn xã chưa phát triển.

-Phương tiện trang bị cho Sơ cấp cứu còn thiếu: Cáng cứng, thuốc PCTT,bộ đồ hô hấp nhân tạo

TC/XH

- Hiện tượng thả rông gia súc vẫn còn,

-Diện tích lúa màu dễ bị mất khi có thiên tai cao :Lũ quét 174 ha, ngập lụt 98,2 ha; hạn hán 75 ha; sạt lở đất 2,7 ha

-Mùa vụ trùng mùa thiên tai

-Nhiều diện tích khu vực cao dễ bị hạn khi có nắng nóng

-Giống chưa phù hợp

KNNT,TĐ/ĐC

-Kinh nghiệm chăm sóc cây trồng để ứng phó với thiên tai của người dân còn hạn chế

Lĩnh vực sức khỏe,vệ sinh, môi trường

V/C

- Nước sinh hoạt hàng ngày chủ yếu là nước tự chảy
- Tỷ lệ hộ có cơ sở chôn nuôi hợp vệ sinh: còn rất thấp(1,4%)
 - Nhà tắm - bể nước, nhà tiêu chưa đạt yêu cầu: 260 nhà vệ sinh là tạm bợ;42 hộ chưa có nhà vệ sinh
 - Chưa có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi và khu vực sinh hoạt gia đình
 - Trạm y tế xã thiếu trang thiết bị SCC,TK-CN TC?/XH
 - Chưa có đội thu gom rác,chất thải và nơi đổ rác tập trung chủ yếu đổ xuống suối
 - Trạm y tế chưa có Bác sỹ và hiện tại đang có 3/7 cán bộ đi học nên việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân gặp nhiều khó khăn...
 - Hai thôn tThâm Châu và bản Chùa Sáu chưa có y tế thôn
 - Hầu hết các hộ chưa có nhà vệ sinh hợp vệ sinh
- còn 29 hộ không có nơi đi vệ sinh cố định.
- Môi trường khu dân cư bị ô nhiễm

TĐ/ĐC,KN

- Thiếu kỹ năng chăm sóc khỏe
- Nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường còn hạn chế
- Ý thức bảo vệ nguồn nước và các hệ thống cấp nước
 - Công tác thông tin tuyên truyền về công tác phòng chống lụt bão tới mọi người dân chưa thực hiện thường xuyên liên tục, sự phối hợp hiệp đồng giữa Các lực lượng đôi khi chưa được kịp thời, chặt chẽ.
 - Công tác kiểm tra, cảnh báo và chỉ đạo việc phòng tránh thiên tai cho nhân dân tại những nơi có nguy cơ sạt lở đất và lũ quét chưa kiên quyết. Công tác tổ chức thường trực PCLB chưa được thường xuyên.
 - Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động PCLB, chưa thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban ban chỉ huy PCLB xã, còn có tình trạng làm nhà ở tại các khu vực có nguy cơ bị sạt lở.
 - Kết quả thu nộp quỹ PCLB của các bản còn chậm.
- Các trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác PCLB-TKCN chưa có chủ yếu bằng các dụng cụ thô sơ chưa đáp ứng công tác phòng chống thiên tai với đặc thù của đại bản

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

*** Nhận xét chung:**

Trong những năm qua, địa phương đã có nhiều cố gắng trong công tác PCTT Do luôn xác định được tầm quan trọng của công tác này, nên hàng năm, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của đảng ủy, UBND xã, sự phối hợp chủ động của các đoàn thể đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao

Để ứng phó với tình hình thiên tai, UBND xã đã tổ chức tổng kết công tác PCTT năm 2013 và đề ra các biện pháp phù hợp, thành lập BCH-PCTT, đã lập kế hoạch và đã triển khai tới từng bản, từng tổ chức, trường, trạm. UBND xã cũng đã yêu cầu các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, các thôn chuẩn bị nhân lực, vật tư cho công tác ứng phó khi thiên tai xảy ra

Những năng lực cụ thể

-Đang được thực hiện dự án và chương trình :

Lĩnh vực an toàn cộng đồng

- Số người trong độ tuổi lao động: 2260 người, có 1560 nam và nữ là 700 người.

V/C

-Đi lại ,giao thương với bên ngoài thuận lợi nhờ có hệ thống đường tỉnh lộ Búng Lao - Mường Bám 13 km, cứng hóa 13/13 km đạt 100 %. và hệ thống đường trục xã, liên xã; 08 tuyến với tổng chiều dài 29,8 km

Có 85% hộ có xe máy

-Có 90% hộ có ti vi

Có 6 trạm biến áp , trong đó số trạm đạt yêu cầu là 06 trạm;; Tổng chiều dài đường dây hạ áp 7,178 km đường dây chất lượng tốt;; Tổng số hộ sử dụng điện của xã là 890 hộ/954 hộ đạt 93,29%.

Có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau

- Xã đã có hệ thống wifi

-Đã di dời 33 nhà đến nơi ở mới

- Đã phủ sóng vinafon,mobil,Vietel 100% bản

TC/XH

Đã có BCH-PCTT có 36 thành viên (có 1 nữ) và phân công cụ thể, thường xuyên giai ban

-Đảm bảo trực 24/24 khi có cảnh báo thiên tai

Xã có 1 trường Mầm non; 2 Trường tiểu học: Trường tiểu học Xuân Lao., tại khu trung tâm bản Lao và Trường tiểu học Khén Pí ;1 Trường Trung học cơ sở:

-Tuyên truyền PC rét cho người,

Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: 100 %, cơ bản do được nhà nước hỗ trợ đối với hộ nghèo, dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, hoạt động kháng chiến và thân nhân người có công...

KN,TĐ/ĐC

-Quyên góp hỗ trợ,

-Giúp đỡ các hộ di dời

-Tích cực tham gia sửa chữa đường sau thiên tai

-Chủ động kê chống sạt lở

-Thường xuyên theo dõi thông tin

Lĩnh vực Sản xuất kinh doanh

V/C

- Hệ thống công trình thủy lợi gồm: 15 công trình, 18 hệ thống tuyến kênh mương, chiều dài 21,7 km được cứng hóa 10,2 km chiếm 47%, đảm bảo tưới cho 77 ha vụ đông xuân và 107 ha lúa vụ mùa. 7 đập kiên cố .

-Che chắn chuồng trại

TC/XH

-Tăng cường công tác tuyên truyền

-Vệ sinh đồng ruộng;

-Che chắn lại bờ ao;

-Thay sắn ngô bằng đậu đỗ

-Kênh mương được nạo vét thường xuyên

-Tuyên truyền PC rét cho gia súc,cho lúa mùa

TĐ/ĐC,KN

-Rác tro bếp cho lúa,mạ

Súc khỏe,vệ sinh môi trường

-Có hệ thống nước tự chảy; 17 giếng nước; 95 hộ có bể chứa nước; có 53 trạm cấp nước sinh hoạt;

- Trạm y tế xã: Xã có 01 trạm y tế, có diện tích xây dựng:1865,2 m² mới được xây dựng 2009 ;có: 3 giường bệnh; , 7 Y sỹ, 0 Y tá, 0 hộ lý.

TC/XH

- Công tác tuyên truyền VSMT đã và đang bắt đầu được quan tâm

-18/20 bản đã có y tế thôn

Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

Trong những năm qua, địa phương đã có nhiều cố gắng trong công tác PCTT. Do luôn xác định được tầm quan trọng của công tác này, nên hàng năm, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của đảng ủy, UBND xã, sự phối hợp chủ động của các đoàn thể đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Để ứng phó với tình hình thiên tai, UBND xã đã tổ chức tổng kết công tác PCTT năm 2013 và đề ra các biện pháp phù hợp, thành lập BCH-PCTT, đã lập kế hoạch và đã triển khai tới từng bản, từng tổ chức, trường, trạm. UBND xã cũng đã yêu cầu các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, các thôn chuẩn bị nhân lực, vật tư cho công tác ứng phó khi thiên tai xảy ra. Với điều kiện thuận lợi đang được hỗ trợ đầu tư từ các chương trình 134, 135, 30A của chính phủ chắc chắn trong thời gian tới Xuân Lao có thể có khả năng thực hiện tốt kế hoạch PCTT của mình.

Những năng lực cụ thể của cộng đồng trong PCTT

Lĩnh vực an toàn cộng đồng

V/C

- Xã Xuân Lao có một hệ thống giao thông đa dạng: đường trục xã, liên xã là 12,6 km trong đó đã được cứng hóa là 5,18 km đạt 41,1 % ; đường trục thôn, liên thôn là 10 Km.; đường nội thôn, ngõ xóm là 22,64 km trong đó đã được cứng hóa được 6,7 km đạt 29,5 %.; đường nội đồng tạm bợ, lầy lội
- Hệ thống điện sáng của xã đã được phủ 16 bản/20 bản. Xã có 2 trạm biến áp: 02 trong đó: số trạm đạt yêu cầu 2, đường dây hạ thế : 10Km, trong đó 10 Km đạt chuẩn; Tỷ lệ hộ dùng điện: 89%. . Tuy nhiên tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn còn rất thấp chỉ mới có 60 hộ
- Có nhiều phương tiện như xe máy, máy cày, bèo mảng
- Đường giao thông liên huyện, xã thuận lợi
- Đa số hộ dân dự trữ lương thực
- 60% hộ chằng chống nhà

Tổ chức/Xã hội

Toàn xã có 2 đơn vị trường học, gồm

- 01 trường mầm non Số lớp: 3, Số phòng học: 2 phòng x 50m² bằng 100m², sân chơi bãi tập: 2 x 100m² bằng 200m²; giáo viên: 2 giáo viên và 34 học sinh.

-01 tiểu học có gắn với trường trung học cơ sở.

Số giáo viên: 8 giáo viên, học sinh: 52 học sinh.

- Số diện tích sân chơi, bãi tập đã có 300m²

Trường trung học cơ sở: Học chung với trường tiểu học, số giáo viên: 14 giáo viên.

- Số nhà văn hoá xã: 01 nhà x 70m² bằng

- Số nhà văn hoá thôn: 7/7 .

- Điểm truy cập Internet hiện nay dịch vụ Internet di động sử dụng thiết bị 3G đã phủ sóng toàn xã.

-Đã có BCH-PCTT,có phân công cụ thể

-Hàng năm đã XD kế hoạch PCTT

-Có tổng kết hàng năm

-Trực 24/24 khi có thiên tai

-Thông báo kịp thời tình hình thiên tai cho cộng đồng

-Huy động tốt lực lượng tại chỗ

- Chính quyền đã chỉ đạo nhân dân di dời người và tài sản từ vùng thấp lên vùng cao

- Đa số nhân dân đã chủ động di dời

- Chính quyền hỗ trợ người dân kịp thời sau thiên tai

-Kiểm tra và tuyên truyền,vận động thường xuyên

- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm

-Tổ chức đánh giá thiệt hại kịp thời

-Thực hiện nghiêm túc báo cáo

-Tổ chức đánh giá thiệt hại kịp thời

-Thực hiện nghiêm túc báo cáo

KNNT,TĐ/ĐC

-70% hộ dân có kinh nghiệm PCTT

-Người dân chủ động phòng ngừa

-Có tinh thần đoàn kết,tương trợ,giúp đỡ lẫn nhau

-Thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết,cảnh báo thiên tai

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh

V/C

- Công trình liên xã: 08 đập vừa và nhỏ

* Tổng diện tích tưới của các công trình thủy lợi trên địa bàn: 80,02 ha:

- Số km kênh mương đã được cứng hoá là 12,3 km.

. - Đa số hộ dân dự trữ lương thực

- Công trình liên xã: 08 đập vừa và nhỏ

* Tổng diện tích tưới của các công trình thủy lợi trên địa bàn: 80,02 ha:

- Số km kênh mương đã được cứng hoá là 12,3 km

- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm

- Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm

- Dự trữ nước, mua máy bơm,

.TC/XH

- Tăng cường chăm sóc và chăm sóc phù hợp hơn

- Đã sử dụng các biện pháp chăm sóc phù hợp.

- Sử dụng giống bao thai có năng suất cao (nguyên chủng),

- Trồng giống ngô lai có năng suất cao (NK54, NK 67...) chịu hạn tốt., Thay bằng sắn thấp cây

- Chủ động thu hoạch sớm Khơi thông cống rãnh

- Chặt tỉa cành cho cây lớn

- Che chắn tốt chuồng trại, có chế độ chăm sóc phù hợp,

Đã sử dụng các biện pháp chăm sóc phù hợp,

. Che chắn cho mạ khi rét đậm rét hại và sương muối

- Thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết, cảnh báo thiên tai

- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm

Đã có thay đổi giống

- Thu nhập bình quân đầu người/năm là 7,5 triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo: 5,96% (21 hộ)

- Số lao động trong độ tuổi lao động: 952/1378/ tổng số dân. Trong đó lao động nam : 480 chiếm 50,4%, lao động nữ: 472 chiếm, 49,6% tổng số lao động.

NTKN, TĐ/ĐC

- Người dân chủ động phòng ngừa

- Thay đổi giống mới phù hợp với thời tiết.

- Che chắn cho mạ khi rét đậm rét hại và sương muối.

- Dự trữ nước,mua máy bơm,
 - Tăng cường chăm sóc và chăm sóc phù hợp hơn
 - Dự trữ nước,mua máy bơm
 - Đã sử dụng các biện pháp chăm sóc phù hợp.
 - Sử dụng giống bao thai có năng suất cao (nguyên chủng
 - Trồng giống ngô lai có năng suất cao (NK54, NK 67...) chịu hạn tốt.
 - Chủ động thu hoạch sớm
- Thay bằng sắn thấp cây

Lĩnh vực sức khỏe, vệ sinh, môi trường

V/C

- Số hộ có nhà tắm, bể nước sử dụng thường xuyên: 250 hộ
- Số hộ có nhà vệ sinh 2 ngăn: 10 hộ
- Số hộ chăn nuôi có hầm biogas: 4 hộ
- Tiêm phòng cho gia súc, gia cầm kịp thời

TC/XH

- 70% hộ dân có kinh nghiệm PCTT
- Thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết,cảnh báo thiên tai
- Thông báo kịp thời tình hình thiên tai cho cộng đồng
- Tổ chức tốt công tác VSMT sau thiên tai:
- Có 01 tổ hợp tác xã nuôi trồng thủy sản ở Nà Pja. Tổng số lao động tham gia HTX là 24 người.
- Trạm Y tế, có 5 cán bộ y tế trong đó có 01 bác sỹ.(nam); 01 y sỹ (nam); 2 nữ hộ sinh;01 y tá kiêm dược
- 18/20 bản đã có y tế thôn
- Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm y tế : 98%

NTKN,TĐ/ĐC

C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai

Các loại hình thiên tai xảy ra tại địa phương trong thời gian qua chủ yếu là :, sạt lở, lũ quét, rét hại, sét, hạn hán, ngập úng... .

Hiện tượng ngập úng trong thời gian qua có xu hướng ngày càng nghiêm trọng cả số lần và quy mô. Mười năm trở lại đây lại càng nghiêm trọng hơn nhiều. Với tập quán người dân chỉ thích sản xuất ven suối, rừng đầu nguồn bị tàn phá làm cho lũ về rất nhanh và nhiều ì nguy cơ trong thời gian tới càng nghiêm trọng hơn.

Qua kết quả đánh giá những ảnh hưởng của các loại hình thiên tai trên thì có các vấn đề được người dân quan tâm được xếp loại ưu tiên theo thứ tự như sau:

1. Mất đất sản xuất khi có thiên tai.
2. Thiếu nước sạch sinh hoạt khi có lũ, ngập lụt.
3. Diện tích lúa màu bị thiệt hại,
4. Gia súc gia cầm bị chết, trôi .
5. Cơ sở hạ tầng bị hư hại
6. Học sinh phải nghỉ học
7. Dịch bệnh ở người
8. Nhà ở bị hư hại
9. Thủy sản bị mất
10. Giao thông ách tắc
11. Môi trường bị ô nhiễm.

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân, cộng đồng đã đưa ra nhiều giải pháp và sau đó dựa vào các tiêu chí :Tính cấp thiết,tính khả thi,đối tượng hưởng lợi,tình hình kinh tế-xã hội của xã và kế hoạch PTKT-XH của xã,cộng đồng đã xếp hạng ưu tiên theo thứ tự như sau:

Xếp hạng Giải pháp (được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên)

STT	Giải pháp
1	Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT, Bảo vệ MT, cách chăm sóc GSúc,GC, bảo vệ các công trình
2	Chuyển đổi giống cây trồng
3	Tăng cường công tác bảo vệ hệ thống quản lý nước sạch
4	Tăng cường công tác bảo vệ hệ thống quản lý nước sạch
5	Đầu tư XD hệ thống nước sạch
6	Thâm canh tăng vụ

7	Thực hiện tốt công tác Dân số KHHGD
8	Tạo thêm công ăn việc làm phù hợp
9	Đầu tư trang thiết bị, hệ thống truyền thanh, thông tin liên lạc
10	Quy hoạch đất đai (đất SX)

III. Mục tiêu của kế hoạch

1.-Mục tiêu chung:

+ Giảm thiệt hại về người, tài sản, nhà cửa ,hoa màu,cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra

2.-Các mục tiêu cụ thể:

+ Nâng cao được năng lực PCTT cho lực lượng QLRRTT của địa phương bằng phương châm “4 tại chỗ”

+ Đảm bảo công tác thông tin liên lạc thông suốt trong mọi trường hợp khi có thiên tai.

+Tổ chức ứng phó kịp thời hiệu quả.

+ Đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho người dân khi có thiên tai.

+Đảm bảo công tác an ninh trật tự nơi xảy ra thiên tai và nơi người dân sơ tán đến.

+Đảm bảo tốt công tác cảnh báo, cảnh giới.

+ Nâng cao được nhận thức về QLRRTT cho 100% cán bộ xã, thôn và 20% các hộ dân vùng nguy cơ cao.

a. IV.-Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai

ST T	Nội dung hoạt động
1	Củng cố kiện toàn BCH-PCTT xã -các tiểu ban PCTT các thôn, và phân công nhiệm vụ cụ thể
2	Thành lập đội xung kích và TKCN, phản ứng nhanh,Đội liên lạc hỏa tốc
3	Tuyên truyền kiến thức về PCTT, Luật PCTT, Đề án 1002, kế hoạch PCTT của thôn, xã.
4	Tập huấn nâng cao nhận thức về PCTT cho 100% cán bộ xã, thôn về kiến thức PCTT (2 ngày)
5	Tập huấn nâng cao nhận thức về PCTT cho 30% hộ dân là các đối tượng DBTT (2 ngày)

6	Vận động các hộ gia đình chuẩn bị tốt nguồn lực theo PC'4 tại chỗ"
7	Tập bơi cho cộng đồng trong vùng, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ
8	Quản lý và bảo vệ hệ thống nước tự chảy
10	Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ và sử dụng nguồn nước và đường ống tự chảy
11	Xây dựng hệ thống nước tự chảy ổn định
12	Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường
13	Xây dựng gia cố chuồng trại nhà vệ sinh
14	Tu sửa, mua trang thiết bị sơ cấp cứu, tìm kiếm, cứu nạn
15	-Tập huấn kỹ năng cho lực lượng XK, đội ứng phó nhanh, -TK-CN(3 ngày)
16	Diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp (1 ngày)
17	Trồng và bảo vệ rừng
18	Nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, mương tưới, mương tiêu
19	Di dời 9 hộ vùng nguy cơ cao sạt lở đất bản thẳm Châu đến nơi ở mới an toàn
20	Xây dựng phương án sơ tán
21	Tăng cường các hoạt động cảnh báo.
22	Triển khai việc chằng chống nhà cửa
23	Thu hoạch lúa, mầu, thủy sản chạy lũ
24	Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc
25	Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai
26	Tìm kiếm, cứu nạn
27	Cứu trợ khẩn cấp
28	Cứu trợ sau thiên tai
29	Nước sạch và y tế
30	Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp
31	Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương;
32	Triển khai chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc
33	Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;
34	Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;

35	Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai và nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ
36	Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai
37	Báo cáo diễn biến tình hình thiên tai, thiệt hại, nhu cầu cứu trợ
38	-Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai,...
39	-Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu, giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;

IV. V.-Tổ chức thực hiện, giám sát đánh giá

1. Phân công nhiệm vụ

* Ban chỉ huy PCLB – TKCN xã sở chỉ huy đặt tại trụ sở xã trực 24/24 giờ trong suốt mùa mưa từ tháng 5 cho đến hết tháng 10 năm 2013.

* Khi có tình huống xảy ra Ban chỉ huy PCLB – TKCN xã lập sở chỉ huy tại khu vực xảy ra lụt bão để trực tiếp chỉ huy, thống nhất phối hợp hiệp đồng chặt chẽ tổ chức các lực lượng thực hiện nhiệm vụ PCLB – TKCN.

a.-Phân công cán bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo phụ trách địa bàn như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Địa bàn phụ trách
1	Lò Văn Đông	CHT' BCHQS xã	Khu Khén Pí
2	Đặng Quốc Bình	Trưởng CA xã	Khu Pháy Váng
3	Quàng Văn Long	CB. Khuyến nông	Khu Pháy Váng
4	Lò Văn Thanh	CB. GTTL xã	Khu Trung tâm xã
5	Tòng Văn Tình	CB. Khuyến nông	Khu Trung tâm xã

b.- Cán bộ khuyến nông xã.

- Tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB xã chỉ đạo các bản, trong công tác phòng chống lụt bão, thường xuyên tổ chức phối hợp hiệp đồng với các ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt công tác PCLB – TKCN, nắm chắc tình hình mưa lũ trên địa bàn, tiếp nhận truyền tải Chỉ thị, Mệnh lệnh cấp trên, đồng thời thông báo, hướng dẫn các bản về biện pháp phòng chống lụt bão trong mọi tình huống.

- Tham gia trực 24/24 giờ, thường xuyên xuống kiểm tra các khu trọng điểm để nắm bắt tình hình mưa lũ, tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB – TKCN xã có biện pháp xử lý kịp thời.

c.. Ban chỉ huy quân sự xã.

- Phối hợp chặt chẽ với Công an xã và các ban, ngành, đoàn thể xã tham mưu, đề xuất xây dựng, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch PCLB – TKCN xã sát với tình hình thực tế.

- Phân công cán bộ phụ trách địa bàn, sẵn sàng huy động LLDQ tham gia PCLB – TKCN khi có tình huống xảy ra, cùng với Công an xã nắm chắc tình hình ANCT – TTATXH và bảo vệ an toàn khu vực xảy ra lụt bão.

d. Ban Công an xã.

- Xây dựng kế hoạch, phương án PCLB của ngành mình sát với tình hình thực tế, tổ chức sử dụng LL bảo vệ tài sản của nhà nước, của nhân dân, giữ vững ANCT – TTATXH trên địa bàn không để kẻ xấu lợi dụng lụt bão chộm cắp tài sản. Hiệp đồng chặt chẽ với các LL khác, sử dụng LL tham gia PCLB – TKCN khi tình huống xảy ra.

e. Văn phòng thống kê xã.

- Phối hợp tham mưu tổ chức triển khai các Chỉ thị, Mệnh lệnh và các chính sách; Phối hợp triển khai các biện pháp phòng chống và khắc phục hậu quả thiệt hại do mưa lũ gây ra.

f. Trạm Y tế xã.

- Xây dựng kế hoạch của ngành mình, chuẩn bị bảo đảm thuốc men, dụng cụ, phương tiện cấp cứu, tổ chức hiệp đồng chặt chẽ các LL khác làm công tác cứu chữa người bị nạn, thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng chống dịch, khắc phục hậu quả trước, trong và sau lũ.

g. Tài chính – Kế toán xã.

- Tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB – TKCN xã về các biện pháp phòng chống lụt bão – TKCN đảm bảo ngân sách cho cơ sở thực hiện công tác PCLB – TKCN tại địa bàn.

h. Thương binh xã hội xã.

- Tham mưu đề xuất các chính sách kịp thời hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả lũ lụt sớm ổn định sản xuất, cuộc sống của nhân dân.

i. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã.

- Kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch PCLB – TKCN của đoàn thể mình sát với tình hình địa bàn, tăng cường phối hợp, tham mưu cho Ban chỉ huy PCLB – TKCN xã đề ra các phương án PCLB – TKCN. Tổ chức sử dụng LL đoàn viên, hội viên, phương tiện hiện có, vận động nhân dân tham gia PCLB, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng tài sản của nhà nước và của nhân dân, hạn chế thấp nhất về thiệt hại do mưa lũ gây ra.

k. Nhiệm vụ của các bản trong xã.

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân, từng hộ gia đình không được chủ quan, phải luôn chủ động phòng, tránh thiên tai, chịu trách nhiệm công tác PCLB – TKCN tại bản của mình.

- Chỉ đạo nhân dân khẩn trương trồng, chống nhà cửa, thu hoạch lúa và hoa màu, thủy sản.. tổ chức khơi thông cống rãnh đảm bảo dòng chảy theo quy luật, ngăn chặn những hộ gia đình coi nói lún lờn, đắp ao không đảm bảo các khe núi có dòng chảy lớn.

- Tổ chức thu nộp quỹ phòng chống lụt bão theo quy định của nhà nước, thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về Ban chỉ đạo PCLB – TKCN xã. Chịu trách nhiệm công tác PCLB – TKCN tại bản mình quản lý.

2. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM;

2.1. Bảo đảm thông tin liên lạc:

- Khi có tình huống sử dụng mạng thông tin bưu điện hiện có là chủ yếu, kể cả hệ thống thông báo, báo động còi, keng và thông tin cá nhân, nhanh chóng liên lạc với cơ quan chức năng của xã và của huyện.

2.2. Bảo đảm nắm tình hình:

- Khi xảy ra mưa bão, lũ quét, sạt lở đất các LL phòng chống thiên tai tại chỗ chủ động hiệp đồng chặt chẽ với các LL tham gia bảo đảm an toàn tuyệt đối về người và tài sản của nhà nước, của nhân dân giữ vững tình hình ANCT-TTATXH.

- Ban CHQS xã sử dụng LLDQ cùng với LLCA xã, thường xuyên túc trực các ngày có mưa lớn có thể xảy ra lũ quét kịp thời thông báo, báo động, xử lý tình huống.

2.3. Bảo đảm cơ động:

- Sử dụng phương tiện xe máy của các cá nhân và trưng dụng các phương tiện của nhân dân.

2.4. Bảo đảm hậu cần kỹ thuật:

a. Bảo đảm hậu cần: Huy động hậu cần, kỹ thuật tại chỗ là chủ yếu. Ngoài ra UBND xã cũng giành dự phòng 1 khoản kinh phí để chủ động khi có tình huống xảy ra, hỗ trợ kịp thời những hộ bị thiệt hại, những người bị nạn và phục vụ LL ứng cứu, khắc phục hậu quả kịp thời.

b. Bảo đảm quân y: Trạm Y tế xã cử 01 tổ cứu thương = 02 đồng chí (Y sỹ, Y tá) tham gia làm nhiệm vụ cứu thương các LL nơi xảy ra tình huống.

a. VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

- Kiến nghị cấp trên các cơ quan chức năng hỗ trợ về kinh phí dự phòng để di dời những hộ dân có nguy cơ bị lũ quét đến nơi an toàn, bổ sung vật chất phòng chống thiên tai cho các LL tham gia phòng chống đảm bảo khi có tình huống xảy ra có thể xử lý được ngay và có hiệu quả.

Trên đây là kế hoạch phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai năm 2014 của UBND xã Xuân Lao yêu cầu các đồng chí thành viên, các bản trên địa bàn xã nghiêm túc thực hiện. Khi có tình huống xảy ra vận dụng linh hoạt các biện pháp cho phù hợp vào điều kiện thực tế để xử lý kịp thời đạt hiệu quả cao./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);

Lưu: UBND xã, các bản (Thực hiện);

Ban chỉ đạo PCLB xã.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K/T. CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC KÈM THEO

- Bảng Lịch sử thiên tai
- Bảng lịch mùa vụ
- Bảng điểm mạnh điểm yếu
- Bảng tổng hợp kết quả ĐGRRTT
- Họat đồ rủi ro thiên tai
- Tổng hợp giải pháp PCTT